

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG  
AN GIANG IMPORT AND EXPORT  
COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 114/XNK-TCKT  
(V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế  
06 tháng đầu năm 2025 so với 06 tháng đầu  
năm 2024 đã soát xét/Explanation of the  
variance in after-tax profit for the first six  
months of 2025 compared with the reviewed  
figures for the first six months of 2024.)

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026  
An Giang, 09 March 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2025 đã soát xét so với 06 tháng đầu năm 2024 đã soát xét như sau/*An Giang Import Export Company hereby provides an explanation for the variance in after-tax profit for the first six months of 2025 (reviewed) compared with the reviewed results for the first six months of 2024 as follows:*

**1. Đối với BCTC riêng lẻ/For the separate financial statements:**

Trong kỳ kinh doanh 06 tháng đầu 2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần giảm 60.711 triệu đồng, tương ứng giảm 92% so cùng kỳ, do Công ty thiếu nguồn vốn lưu động để kinh doanh. Trong kỳ, Công ty đã tiết giảm nhiều chi phí quản lý danh nghiệp, chi phí bán hàng. Tuy nhiên, Công ty vẫn gánh các khoản định phí như chi phí lãi vay, khấu hao,... Đây là nguyên nhân chính làm Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty bị lỗ 40.419 triệu đồng/*During the first six months of 2025, the Company recorded a decrease in net revenue of VND 60,711 million, equivalent to a decline of 92% compared to the same period last year, mainly due to insufficient working capital for business operations. During the period, the Company implemented cost-cutting measures, reducing administrative expenses and selling expenses. However, the Company still had to bear fixed costs such as interest expenses and depreciation. This was the main reason why the Company recorded a loss of VND 40,419 million in the first six months of 2025.*

**2. Đối với BCTC hợp nhất/For the consolidated financial statements:**

Trong kỳ kinh doanh 06 tháng đầu 2025, doanh thu thuần hợp nhất giảm 135.388 triệu đồng, tương ứng giảm 90% so cùng kỳ, do trong năm 2025 Công ty không còn ghi nhận hợp nhất doanh thu từ các Công ty con đã thoái vốn. Tương tự báo cáo riêng. Trong kỳ, Công ty đã tiết giảm nhiều chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng. Tuy nhiên các khoản chi phí lãi vay, khấu hao,... vẫn ở mức cao, đây là nguyên nhân chính làm Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu 2025 của Công ty bị lỗ 71.520 triệu đồng/*During the first six months of 2025, consolidated net revenue decreased by VND 135,388 million, equivalent to a decline of 90% compared to the same period last year, mainly because in 2025 the Company no longer consolidated revenue from subsidiaries that had been divested. Similar to the separate financial statements, during the period the Company implemented cost-cutting measures, reducing administrative expenses and selling expenses. However, interest expenses, depreciation and other fixed costs remained at a high level. This was the main reason why the Company recorded a loss of VND 71,520 million in the first six months of 2025.*

Đơn vị tính: Triệu đồng/Unit: Million VND

| Chỉ tiêu/Indicator   | BCTC riêng/Separate Financial Statements                              |   |                       |        | BCTC Hợp nhất/Consolidated Financial Statements                       |   |                       |          |
|--|---|---|-----------------------|--------|---|---|-----------------------|----------|
|  | Lũy kế 06 tháng năm 2025/Accumulated for the first six months of 2025 | Lũy kế 06 tháng năm 2024/Accumulated for the first six months of 2024 | Chênh lệch/Difference | (%)    | Lũy kế 06 tháng năm 2025/Accumulated for the first six months of 2025 | Lũy kế 06 tháng năm 2024/Accumulated for the first six months of 2024 | Chênh lệch/Difference | (%)      |
| Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ/Net revenue from sales and services               | 4.973   | 65.684  | (60.711)              | (92%)  | 15.504  | 150.893   | (135.388)             | (90%)    |
| Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold  | 7.524   | 63.957  | (56.433)              | (88%)  | 20.050  | 150.038   | (129.988)             | (87%)    |
| Lợi nhuận gộp/Gross profit   | (2.551)   | 1.727   | (4.278)               | (248%) | (4.545)   | 855   | (5.400)               | (632%)   |
| Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income                                       | 17.479  | 12.075  | 5.404                 | 45%    | 17.479  | 7.970   | 9.509                 | 119%     |
| Chi phí tài chính/Financial expenses   | 50.066  | 86.333  | (36.267)              | (42%)  | 43.056  | 59.992  | (16.936)              | (28%)    |
| Trong đó: chi phí lãi vay/Of which: Interest expenses                                | 42.341  | 44.310  | (1.969)               | (4%)   | 42.341  | 46.729  | (4.388)               | (9%)     |
| Phần lãi lỗ trong Cty LDLK/Share of profit/(loss) from associates and joint ventures | -   | -   | -                     |        | (2.704)   | 1.887   | (4.591)               | (243%)   |
| Chi phí bán hàng/Selling expenses  | 258   | 1.946   | (1.688)               | (87%)  | 263   | 3.919   | (3.656)               | (93%)    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp/General and administrative expenses                     | 5.153   | 22.999  | (17.845)              | (78%)  | 12.704  | 46.083  | (33.379)              | (72%)    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from operating activities                   | (40.551)  | (97.477)  | (56.926)              | 58%    | (45.794)  | (99.283)  | (53.488)              | 54%      |
| Lợi nhuận khác/Other profit  | 155   | 34.482  | (34.326)              | (100%) | (25.702)  | 964   | (26.666)              | (2.767%) |
| Tổng lợi nhuận trước thuế/Profit before tax  | (40.395)  | (62.995)  | (22.599)              | 36%    | (71.497)  | (98.319)  | (26.822)              | 27%      |
| Thuế TNDN/Corporate income tax   | 23  | -   | 23                    |        | 23  | -   | -                     |          |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN/Profit after corporate income tax.                           | (40.419)  | (62.995)  | (22.576)              | 36%    | (71.520)  | (98.319)  | (26.799)              | 27%      |

Trên đây là thông tin giải trình của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết/The above is the explanation provided by An Giang Import – Export Joint Stock Company. We respectfully submit this to the State Securities Commission and the Hanoi Stock Exchange for your information.

Trân trọng kính chào/*Sincerely./*.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT/Filed at the Administration Office and the Secretary of the BODs

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
CHỦ TỊCH HĐQT  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**LUONG DUC TAM**



